TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77A/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm.**

2. Ông **Hồ Thị Mai Hương.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Trần Phú Tr**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 359, tổ 9, ấp T, xã T, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1979.

HKTT: Ấp T, xã T, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 15, ấp 5, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Anh Trần Phú Tr là nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Do mai mối nên năm 2015, anh và chị Nguyễn Thị Thu Th được gia đình hai bên cha mẹ tổ chức lễ cưới, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/10/2015. Thời gian đầu vợ

chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung. Ngày 12/7/2017, chị Th nói với anh là về nhà cha mẹ ruột chơi 01 tháng, nhưng không bồng con theo trong khi con mới được 15 tháng tuổi. Nhưng sau đó, chị Th không trở về, anh có đến nhà cha mẹ vợ kêu chị Th về để cùng anh nuôi con nhỏ, nhưng chị Th không chịu về. Anh đành một mình nuôi con, nhưng khi anh bận công việc, anh đem con gửi cho chị Th giữ đỡ ít ngày, nhưng chị Th cũng không chịu giữ con, nên anh phải nhờ cha mẹ giữ giùm trong thời gian anh bận việc. Từ ngày chị Th về nhà cha mẹ ruột đến nay thì vợ chồng sống ly thân và sau đó khoảng 01 tháng chị Th có trở về nhà anh để trả tiền cho chị của anh nhưng cũng không hỏi tới con và từ đó đến nay không một lần chị Th trở lại thăm con. Từ đó, tình cảm vợ chồng trong anh giảm sút dần theo thời gian, nhận thấy tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh quyết định xin ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phú Th, sinh ngày 14/4/2016, hiện con đang sống với anh Tr. Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại Tờ tự khai ngày 30/8/2019 chị Nguyễn Thị Thu Th là bị đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh Trần Phú Tr tại Đơn khởi kiện ngày 08/10/2018. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được nữa nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Trần Phú Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phú Th, sinh ngày 14/4/2016, hiện con đang sống với anh Tr. Khi ly hôn, chị Th đồng ý cho anh Tr được tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

** Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án:*

1/ 01 (một) Giấy chứng minh nhân tên Trần Phú Tr (bản photo);

2/ 01 (một) Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Thị Ph (bản photo);

3/ 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

4/ 01 (một) Trích lục khai sinh tên Trần Phú Th (bản sao);

5/ 01 (một) Đơn không yêu cầu Tòa án tiếp tục hòa giải ngày 11/7/2019 tên Trần Phú Tr (bản chính)

** Tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp cho Tòa án:*

1/ 01 (một) Tờ tự khai ngày 30/8/2019 tên Nguyễn Thị Thu Th (bản chính);

2/ 01 (một) Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/8/2019 tên Nguyễn Thị Thu Th (bản chính);

3/ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thu Th (bản photo);

4/ 01 (một) Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn R (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Phú Tr có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị Thu Th. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con".*

Chị Nguyễn Thị Thu Th là bị đơn trong vụ kiện có HKTT: Ấp T, xã T, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Tổ 15, ấp 5, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Thu Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu Th.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh Tr và chị Th sống chung với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Tịnh Thới, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/10/2015. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, anh Tr yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc và không thể sống chung được nữa, anh chị đã sống ly thân từ ngày 12/7/2017 cho đến nay. Tại Tờ khai ngày 30/8/2019, chị Th cũng thể hiện ý kiến chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Tr. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phú Th, sinh ngày 14/4/2016, hiện con đang sống với anh Tr. Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Tại Tờ tự khai ngày 30/8/2019, chị Th đồng ý cho anh Tr được tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc anh Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Tr, chị Th có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Th được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr, chị Th thống nhất trình bày không có.

[2] Về án phí: Anh Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phú Tr.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Phú Tr được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu Th.

2. Về con chung: Anh Trần Phú Tr được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Phú Th, sinh ngày 14/4/2016. Anh Trần Phú Tr không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Phú Tr và chị Nguyễn Thị Thu Th có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Th được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr, chị Th thông nhất trình bày không có.

4. Về án phí:

Anh Trần Phú Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh Tr đã nộp theo Biên lai thu số BH/2017/0006830 ngày 06/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh Tr đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Tr được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng, chị Th vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS Huyện + Tỉnh;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi Cục THADS Huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh